

VN-Index **1652.79 (-6.51%)**
1459 Tr. cổ phiếu 41195.6 Tỷ VND (21.85%)

HNX-Index **235.36 (-7.21%)**
141 Tr. cổ phiếu 3082.8 Tỷ VND (22.84%)

UPCOM-Index **119.35 (-5.91%)**
115 Tr. cổ phiếu 1969.3 Tỷ VND (64.25%)

VN30F1M **1766.00 (-7.00%)**
297,976 HD OI: 41,363 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1652.8, giảm -115.0 điểm (-6.51%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Lực cung chi phối ngay khi thị trường mở cửa với trạng thái dư bán sàn ở nhiều nhóm ngành, cổ phiếu. Diễn biến địa chính trị tiếp tục leo thang, trong bối cảnh Israel vừa tấn công vào cơ sở hạ tầng dầu mỏ của Iran hôm cuối tuần. Giá dầu thô WTI và dầu Brent đồng loạt tăng nóng rạng sáng 09/03.
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: TCB (-7.0%), VCB (-7.0%) | Dịch vụ tài chính: TCX (-7.0%), SSI (-7.0%) | Bất động sản: VIC (-7.0%), VHM (-7.0%), BCM (-7.0%) | Bán lẻ: MWG (-7.0%), FRT (-7.0%), PNJ (-7.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-7.0%), GEX (-7.0%) | Thực phẩm và đồ uống: MSN (-7.0%), VNM (-6.9%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | HRC, DCL, TNC, PNC, SFC - Chiều giảm | VIC, VCB, VHM, BID, CTG.
Khối ngoại Bán ròng gần 340 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, FPT, STB, trong khi mua ròng MWG, VNM, BSR.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với nền giảm Marubozu biên độ lớn, phản ánh tâm lý hoảng loạn chi phối. Mặc dù nhiều nhóm ngành giảm sàn, nhưng việc khớp lệnh vẫn duy trì mức cao hàm ý dòng tiền bắt đáy đang hoạt động. Khu vực 1620 - 1700 điểm cũng là vùng tích lũy trung hạn của chỉ số trong quá khứ, nơi cung cầu khả năng trở lại giằng co kiểm định. Lực mua hỗ trợ có thể gia tăng tại vùng cận 1600 điểm và thúc đẩy nhịp hồi. Xác suất đánh mất ngưỡng này là thấp, tuy nhiên, trong kịch bản thận trọng, nếu lực cung vẫn áp đảo, mốc hỗ trợ thấp hơn chỉ số có thể tìm về quanh vùng 1500 - 1530 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, lực cung cũng chi phối khiến chỉ số xuyên vùng vùng đáy gần, quanh khu vực 246. Xu hướng điều chỉnh nhìn chung vẫn chiếm ưu thế. Hỗ trợ thấp hơn hiện quanh mốc 230 và 220.
- **Chiến lược:** Sau khi đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn, NĐT nên theo dõi thêm phản ứng của thị trường tại các mốc hỗ trợ (1600 và 1530). Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Tín hiệu dừng rơi được xác nhận khi có mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy, cùng với sự đồng thuận phục hồi từ mặt bằng chung cổ phiếu. Bên cạnh đó, các chuyển biến địa chính trị cần tiếp tục được theo dõi sát để có thêm định hướng về chuyển động dòng tiền.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán DDV – Theo dõi PVS (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,652.8 ▼	-6.5%	-10.5%	-5.8%	41,195.6 ▲	21.9%	-13.1%	105.3%	1,458.7 ▲	32.3%	-6.0%	100.6%
HNX-Index	235.4 ▼	-7.2%	-9.1%	-8.1%	3,082.8 ▲	22.8%	-8.0%	197.7%	140.6 ▲	32.7%	1.5%	196.5%
UPCOM-Index	119.4 ▼	-5.9%	-7.3%	-5.6%	1,969.3 ▲	64.2%	-4.3%	264.1%	115.2 ▲	39.7%	17.5%	352.8%
VN30	1,780.7 ▼	-6.5%	-11.4%	-8.6%	26,596.4 ▲	42.0%	7.3%	151.2%	794.7 ▲	73.4%	23.0%	161.0%
VNMID	2,058.1 ▼	-6.5%	-9.5%	-4.7%	11,575.1 ▼	-5.7%	-33.2%	60.2%	425.5 ▼	-5.9%	-37.0%	34.9%
VNSML	1,378.6 ▼	-6.1%	-8.1%	-6.3%	2,113.0 ▲	28.1%	-36.0%	127.4%	136.7 ▲	45.0%	-18.9%	120.6%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	593.4 ▼	-6.6%	-6.46%	-4.2%	14,713.8 ▲	126.59%	65.4%	165.0%	573.8 ▲	127.8%	69.7%	168.8%
Bất động sản	684.3 ▼	-6.9%	-9.0%	9.4%	4,354.8 ▼	-10.0%	-15.5%	61.7%	132.5 ▼	-2.3%	-23.0%	45.6%
Dịch vụ tài chính	304.8 ▼	-6.8%	-5.1%	5.8%	2,918.1 ▼	-49.4%	-57.6%	-1.5%	121.9 ▼	-43.6%	-51.3%	10.2%
Công nghiệp	252.8 ▼	-6.3%	-5.3%	5.3%	1,824.6 ▼	-20.5%	-39.5%	31.2%	57.1 ▼	-19.3%	-31.4%	49.5%
Tài nguyên cơ bản	498.9 ▼	-6.8%	-5.6%	1.1%	3,403.0 ▲	137.8%	62.9%	176.2%	142.2 ▲	141.2%	70.5%	193.8%
Xây dựng - Vật Liệu	168.0 ▼	-6.2%	-6.2%	-0.7%	1,082.2 ▼	-16.8%	-44.4%	9.4%	54.3 ▼	-5.5%	-34.3%	31.4%
Thực phẩm	473.6 ▼	-6.6%	-12.0%	-28.2%	2,099.0 ▲	25.1%	-14.8%	39.0%	48.9 ▲	26.1%	-8.9%	56.5%
Bán Lẻ	1,430.7 ▼	-6.8%	-10.7%	-6.1%	843.1 ▼	-43.0%	-50.5%	-2.0%	12.0 ▼	-39.0%	-48.1%	3.9%
Công nghệ	409.2 ▼	-6.9%	-11.7%	-15.6%	1,469.7 ▼	-32.6%	-22.9%	19.3%	24.0 ▼	-13.4%	-4.2%	60.1%
Hóa chất	195.5 ▼	-6.0%	-1.0%	5.3%	3,177.7 ▲	74.2%	38.3%	208.3%	80.8 ▲	84.0%	43.5%	212.8%
Tiện ích	872.2 ▼	-6.4%	2.7%	1.0%	1,090.4 ▼	-25.9%	-42.0%	53.9%	33.4 ▼	-30.3%	-54.8%	28.9%
Dầu khí	148.3 ▼	-4.1%	14.8%	35.2%	2,991.0 ▲	52.6%	26.0%	175.3%	68.9 ▲	59.2%	28.8%	143.7%
Dược phẩm	435.3 ▼	-2.8%	-1.0%	-0.5%	57.8 ▲	55.0%	58.3%	67.3%	4.5 ▲	201.1%	162.7%	323.1%
Bảo hiểm	110.1 ▼	-6.7%	-5.1%	-2.2%	83.5 ▬	0.8%	-7.5%	44.7%	3.2 ▲	117.9%	66.4%	164.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,652.8 ▼	-6.51%	-7.4%	15.9x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,383 ▼	-1.94%	9.8%	16.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,337 ▼	-3.27%	-15.1%	18.9x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,224 ▼	-2.42%	-0.6%	16.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,006 ▼	-4.97%	-0.8%	10.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,097 ▼	-0.67%	3.2%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,408 ▼	-1.35%	-0.9%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,729 ▼	-5.20%	4.7%	22.0x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,740 ▼	-1.33%	-1.5%	26.3x	5.3x
Dow Jones	Mỹ	47,502 ▼	-0.95%	-1.2%	23.6x	5.4x
FTSE 100	Anh	10,145 ▼	-1.36%	2.2%	16.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,598 ▼	-2.13%	-3.3%	17.1x	2.4x
DXY		99.3 ▬	0.30%	1.0%		
USDVND		26,281 ▬	0.26%	-0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

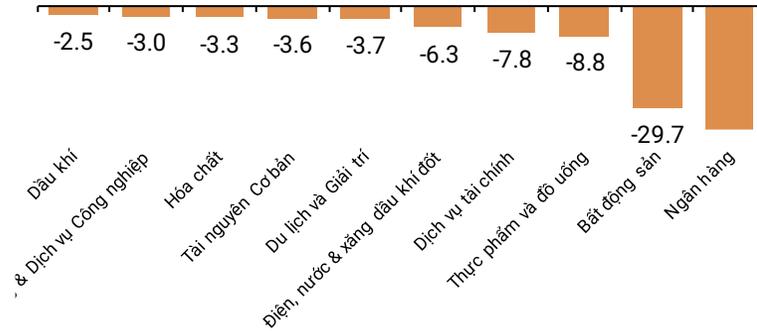
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	13.0%	51.7%	72.1%	48.9%
Dầu WTI	▲	12.7%	59.2%	78.4%	52.8%
Khí gas	▲	5.6%	7.3%	-8.7%	-23.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-3.5%	2.2%
Thép HRC (*)	▬	0.8%	0.1%	-0.2%	-4.1%
PVC (*)	▲	5.4%	9.7%	15.1%	7.4%
Phân Urea (*)	▲	8.5%	33.5%	58.9%	60.9%
Cao su thiên nhiên	▬	0.8%	3.8%	9.6%	-1.3%
Bông Cotton	▬	0.0%	2.6%	-1.7%	-2.4%
Đường	▲	1.9%	0.1%	-4.3%	-21.5%
World Container Index	▲	3.1%	0.0%	-11.5%	-22.9%
Baltic Dirty tanker Index	▲	32.2%	79.5%	132.7%	249.1%
Vàng	▼	-1.5%	0.7%	17.9%	75.0%
Bạc	▼	-1.6%	-0.2%	16.1%	155.7%

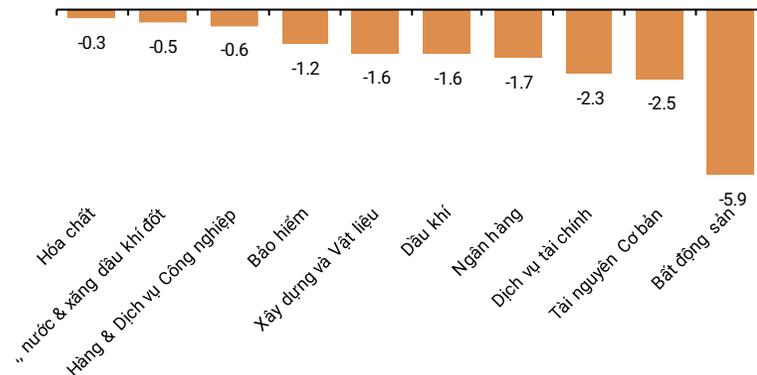
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

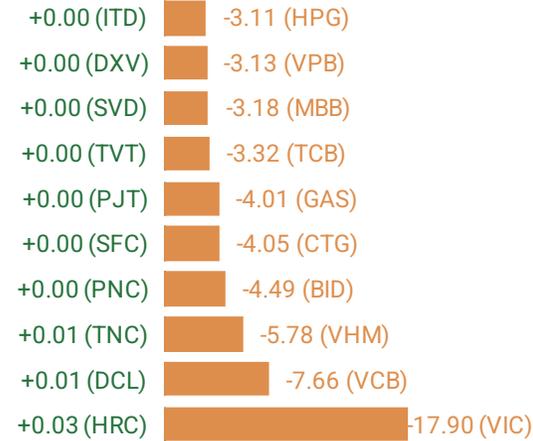
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



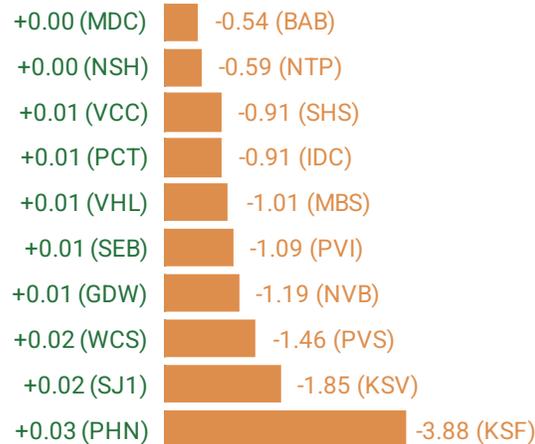
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

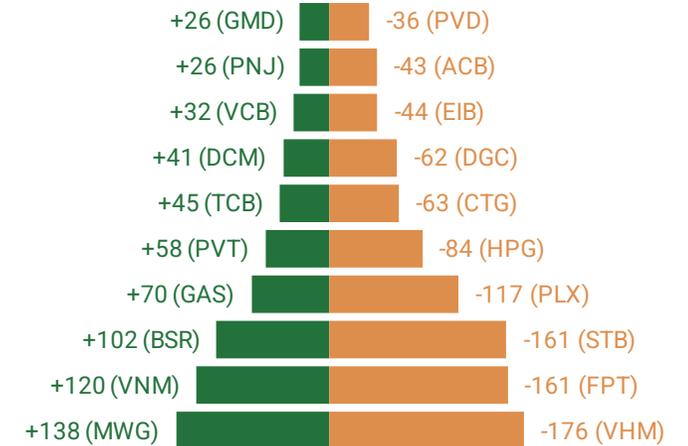


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

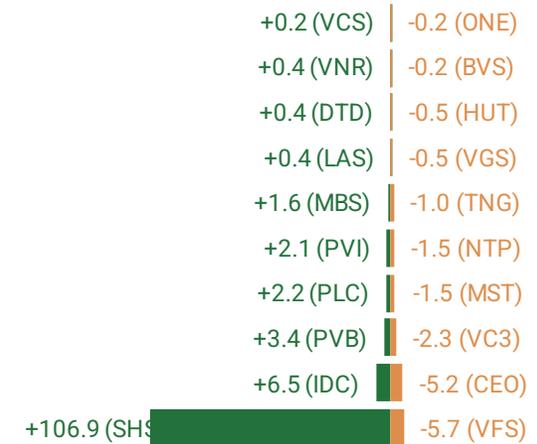


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	STB	MBB	SHB	VCB
%DoD	-7.0%	-4.7%	-6.9%	-6.8%	-7.0%
Giá trị	3,080	2,123	1,824	1,773	1,692

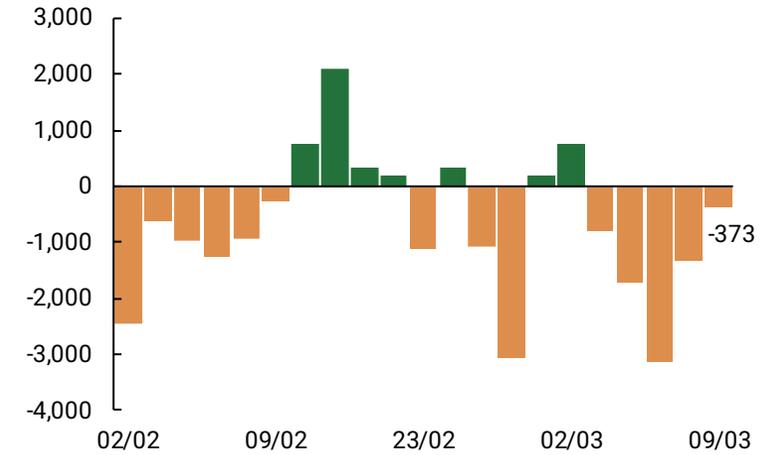
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



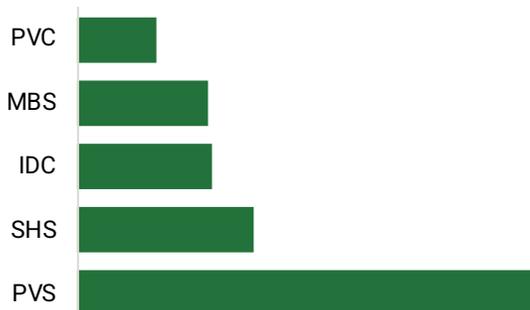
	TCB	STB	SSB	LPB	VPB
%DoD	-7.0%	-4.7%	-4.1%	-4.5%	-6.9%
Giá trị	312	253	251	226	217

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

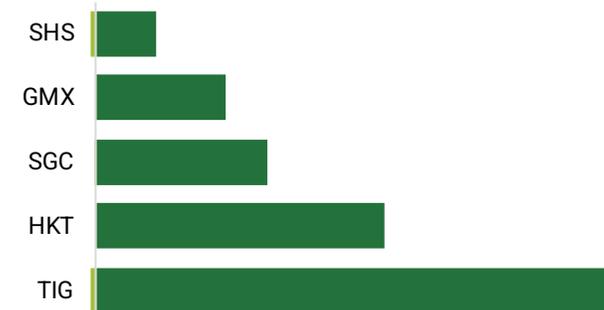


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



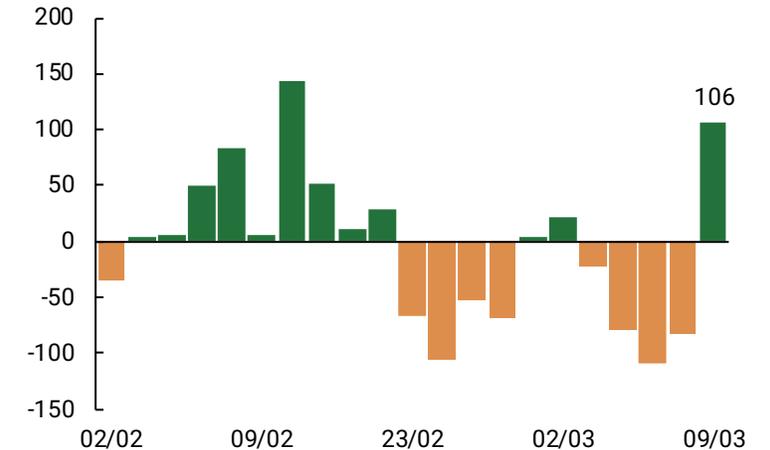
	PVS	SHS	IDC	MBS	PVC
%DoD	-10.0%	-9.8%	-9.9%	-10.0%	-9.7%
Giá trị	971	375	286	279	169

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TIG	HKT	SGC	GMX	SHS
%DoD	-9.2%	0.0%	-3.1%	0.6%	-9.8%
Giá trị	10	6	3	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 | 1530.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD suy yếu, RSI tiếp cận quá bán.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Lực cung tiếp tục chi phối mạnh hơn và chỉ số đã thất bại trong việc phòng thủ quanh ngưỡng tâm lý 1700 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trên đà suy yếu hàm ý áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế. Dù vậy, RSI đang chạm vùng quá bán cao, và mốc 1600 là hỗ trợ mạnh, vận động khả năng nhận được lực đỡ quanh đây và thúc đẩy nhịp hồi. Nếu mốc này bị xuyên thủng, đà giảm có thể kéo VN-Index tìm về hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 1530 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 | 1720.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD suy yếu, RSI tiếp cận quá bán.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ VN30 mở cửa lao dốc ngay đầu phiên và vận động gần như không thể phục hồi, hàm ý lực cung chiếm ưu thế hoàn toàn. Các chỉ báo động lượng cũng suy yếu đáng kể. Hiện kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1800 điểm và cao hơn là 1850 điểm. Trong khi giá cũng đang tiếp cận hỗ trợ 1770 điểm, và thấp hơn là vùng 1700 – 1720.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	DDV	SELL	Current price	29.18		P/E (x)	6.7	
Exchange	UPCoM		Action price	29.2 - 29.6		P/B (x)	1.9	
Sector	Specialty Chemicals		Selling price	(9/3)	30	2.0%	EPS	4336.1
							ROE	31.4%
						Stock Rating	A	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Chạm ngưỡng bán chủ động 30 (Cập nhật ngày 02/03).
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- ➔ Xu hướng khả năng hạ nhiệt củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Bán, có thể tận dụng nhịp hồi trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	PVS	WATCH	Current price	45.90	P/E (x)	12.9
Exchange	HNX		Watch zone	40 - 41	P/B (x)	1.6
Sector	Oil Equipment & Services		Target price	47	EPS	3560.0
			Cut loss price	38	ROE	12.7%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chuyển sang pha điều chỉnh.
 - Chỉ báo MACD hạ nhiệt trên miền dương, trong khi RSI cũng giảm về gần mức trung bình, chưa quá tiêu cực.
 - MA50 ngày là hỗ trợ mạnh cho xu hướng.
 - Vùng 40 – 41 cũng tương ứng là định lịch sử trong quá khứ đã xác nhận vượt qua.
- ➔ Xu hướng hạ nhiệt củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá kiểm định tốt vùng hỗ trợ trung hạn 40 – 41 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DDV	Bán	09/03/2026	29.2	30	2.0%	36.0	22.4%	30.0	2.0%	Chạm ngưỡng bán chủ động
2	PVS	Theo dõi	10/03/2026	45.9	40 - 41	-	47.0	14.6%	38	-7.3%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** 1766, giảm 132.9 điểm (-7.0%). Giá mở cửa tạo "gap giảm" lớn ngay đầu phiên và lực cung chi phối hoàn toàn sau đó. Dù có nỗ lực phục hồi vào phiên chiều, nhưng phe bán đã tiếp tục chiếm ưu thế.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, xu hướng giảm vẫn đang chi phối. Dù vậy, chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá bán cao, bên cạnh vùng 1730 – 1740 là hỗ trợ mạnh cho xu hướng. Thêm vào đó, VN30 cơ sở có thể nhận được lực đỡ từ hỗ trợ MA50 tuần. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1740 hoặc khi giá phục hồi được trên ngưỡng 1780. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1725.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1686.4, giảm 126.7 điểm (-7.0%). Độ lệch basis -13.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 128 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1670 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1700 điểm.

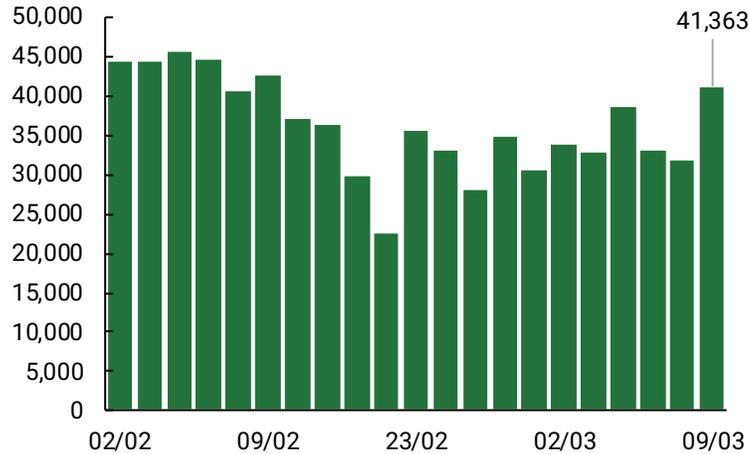
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1740	1760	1730	20 : 10
Long	> 1780	1800	1770	20 : 10
Short	< 1725	1705	1735	20 : 10

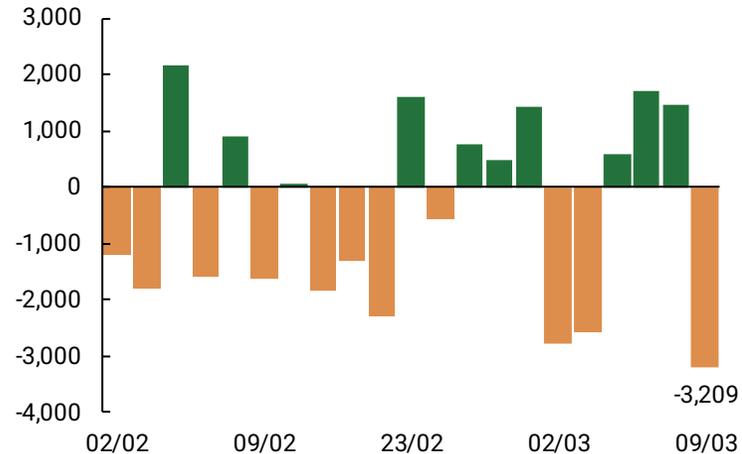
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,779.6	-133.7	237	257	1,790.1	-10.5	17/09/2026	192
4111G6000	1,778.0	-133.0	267	422	1,785.6	-7.6	18/06/2026	101
4111G4000	1,768.0	-133.0	1,297	1,708	1,782.6	-14.6	16/04/2026	38
4111G3000	1,766.0	-132.9	297,976	41,363	1,781.2	-15.2	19/03/2026	10
4112G3000	1,686.4	-126.7	128	73	1,700.1	-13.7	19/03/2026	10

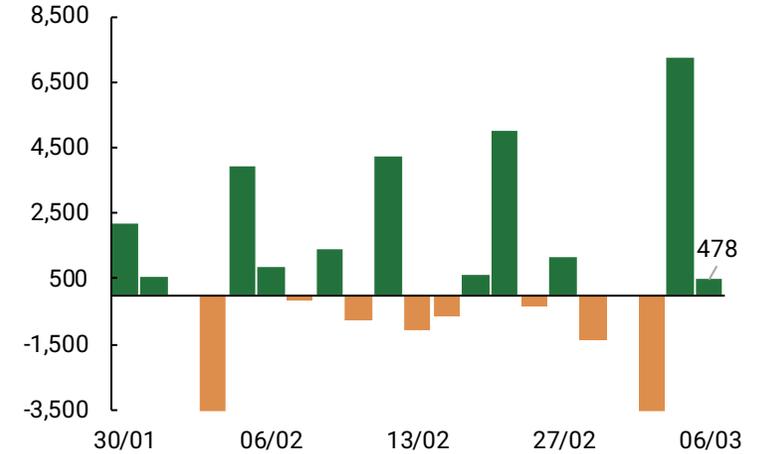
Khối lượng mở (Open interest)



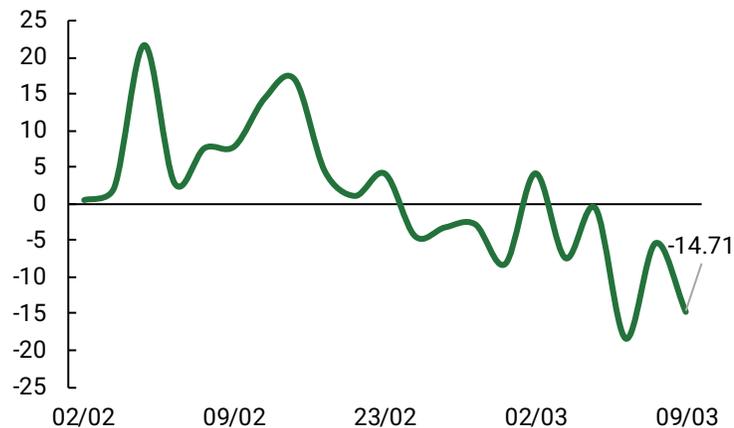
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



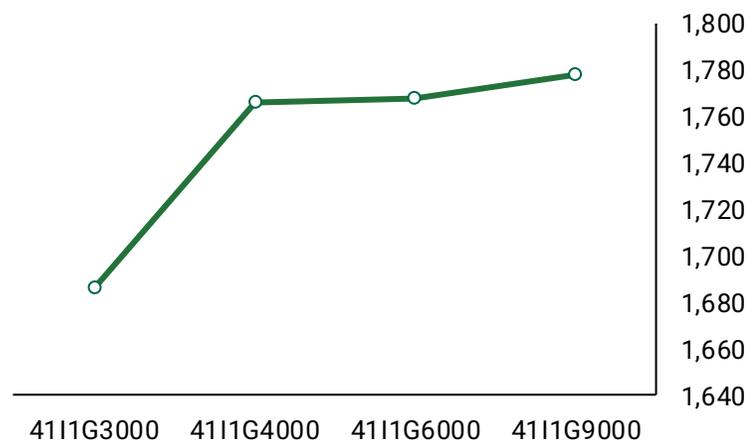
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



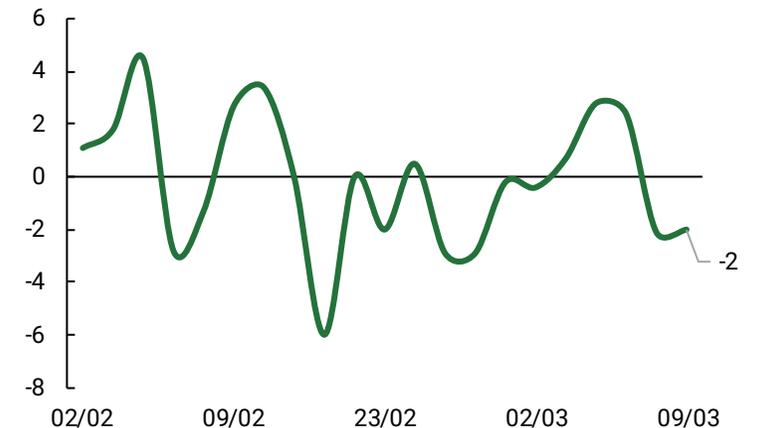
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/03 Vietnam & US – PMI Index
- 06/03 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/03 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 11/03 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu
- 13/03 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới
- 18/03 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- Mỹ - FED quyết định lãi suất
- 19/03 EU - ECB quyết định lãi suất
- Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất
- Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/03 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục
- 31/03 Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng

Mỹ, Israel lần đầu không kích các kho dầu của Iran: Ngày 7/3, Mỹ và Israel đã tiến hành các cuộc không kích nhằm vào các kho dự trữ dầu và nhiên liệu tại thủ đô Tehran của Iran, đánh dấu lần đầu tiên cơ sở hạ tầng dầu mỏ của Iran bị tấn công kể từ khi xung đột bùng phát.

NHNN bơm ròng hơn 4,000 tỷ đồng, lãi suất liên ngân hàng neo trên 5%: Trong tuần 2/3 - 6/3, Ngân hàng Nhà nước đã bơm ròng hơn 4,000 tỷ đồng trên thị trường liên ngân hàng khi lượng lớn các khoản cho vay cầm cố giấy tờ có giá đáo hạn. Lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm bắt đầu từ mốc 11.2% vào đầu tuần, giảm dần qua các phiên, xuống 5.74% trong ngày 5/3. Các lãi suất kỳ hạn một tuần, hai tuần và một tháng lần lượt ở mức 6.07%/năm, 7.75%/năm và 7.06%/năm.

Đề xuất giảm thuế nhập khẩu xăng dầu về 0%: Đề xuất giảm thuế nhập khẩu xăng dầu về 0% được kỳ vọng tạo “bộ đệm” giúp giảm áp lực chi phí và hạn chế đà tăng giá hàng hóa, dịch vụ. Khi chi phí được kiểm soát tốt hơn, doanh nghiệp có thêm dư địa ổn định sản xuất, kinh doanh. Theo tính toán của Bộ Tài chính, nếu áp dụng mức thuế mới dựa trên kim ngạch nhập khẩu năm 2025, ngân sách Nhà nước có thể giảm thu khoảng 1,024 tỷ đồng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DGC - Tổng thống Trump ký sắc lệnh lịch sử, giá phốt pho vàng tăng vọt 17%: Giá phốt pho vàng (P4) tại Trung Quốc ghi nhận mức tăng khoảng 17% kể từ đầu năm 2026. Động lực chính thúc đẩy xu hướng này đến từ việc Tổng thống Donald Trump ký sắc lệnh kích hoạt Đạo luật Sản xuất Quốc phòng vào ngày 18/2/2026, xác định phốt pho nguyên tố là vật liệu chiến lược đối với an ninh quốc gia. Đồng thời, tình trạng gián đoạn vận chuyển tại eo biển Hormuz, cùng các biện pháp hạn chế nguồn cung từ Maroc và Nga đã khiến lượng hàng này trở nên khan hiếm. Trong bối cảnh đó, tập đoàn Hóa chất Đức Giang hiện giữ vị thế then chốt khi chiếm khoảng 50% thị phần P4 nội địa và đóng góp tới 1/3 tổng lượng xuất khẩu phốt pho vàng trên toàn thế giới.

PVS - Doanh thu tăng 32% trong 2 tháng đầu năm: Trong 2 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất đạt khoảng 4,540 tỷ đồng, tăng 31.5% so với cùng kỳ năm trước và vượt kế hoạch giai đoạn đầu năm. Lợi nhuận trước thuế 185 tỷ đồng, tương đương khoảng 14% kế hoạch năm. Giai đoạn tới được xem là thời điểm nhiều dự án năng lượng quan trọng tại Việt Nam bước vào triển khai, trong đó chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn, các dự án LNG và phát triển mỏ mới được kỳ vọng tạo ra khối lượng công việc đáng kể cho các doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật.

VCG - Tạm giam cựu Chủ tịch Vinaconex Nguyễn Hữu Tới: Công ty nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an về việc bắt bị can để tạm giam hai lãnh đạo của doanh nghiệp nhằm phục vụ công tác điều tra, về hành vi vi phạm quy định đấu thầu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Các cá nhân gồm Nguyễn Hữu Tới, Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng giám đốc, nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Vinaconex và Dương Văn Mậu, Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Vinaconex.

HPG - Hoà Phát, Việt Ý, Việt Đức... đồng loạt điều chỉnh tăng giá thép: Nhiều doanh nghiệp sản xuất đồng loạt phát đi thông báo tăng giá bán từ ngày 9/3, với mức điều chỉnh phổ biến 300,000 đồng/tấn, tương đương 300 đồng/kg. Thông báo có hiệu lực ngay lập tức.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415